

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày: 19-9-2022
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiền.
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín” dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S;

Địa chỉ: : Lầu 8, 266-268 N, Phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Thái Bình.

Người được ủy quyền lại: Ông Phan Thanh L, chức vụ: Chuyên viên kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S chi nhánh Thái Bình; địa chỉ: Số 264 T, tổ 10, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (theo giấy ủy quyền số 11/2022/GUQ-CNTB ngày 16 tháng 6 năm 2022). Ông L có mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Mạnh Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 7, thôn Th, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, anh Lưu Mạnh Th có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) chi nhánh Thái Bình Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng - được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh Th, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 22 hàng tháng. Lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Theo Hợp đồng, anh Th phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh Th đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 28.700.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22 tháng 10 năm 2021, anh Th đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.210.000 đồng. Từ ngày 22 tháng 10 năm 2021 đến nay, anh Th không thanh toán cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền nào khác. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh Th vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên theo quy định của Ngân hàng sau 3 kỳ thông báo giao dịch liên tiếp, anh Th không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng sẽ chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy từ ngày 22 tháng 4 năm 2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ anh Th còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19 tháng 9 năm 2022, anh Th còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 35.457.913 đồng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Từ thời điểm khách hàng vi phạm đến trước khi chuyển nợ nhóm 3, Ngân hàng chỉ áp dụng lãi suất trong hạn để hỗ trợ khách hàng, từ khi khách hàng chuyển nợ nhóm 3, Ngân hàng mới áp dụng mức lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Tính đến hết ngày 19 tháng 9 năm 2022, anh Th còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 35.457.913 đồng (nợ phát sinh đầu kỳ 22 tháng 4 năm 2022+giao dịch+phí trễ hạn+lãi+phí-thanh toán); từ ngày 22 tháng 4 năm 2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 35.457.913 đồng với lãi suất quá hạn là 3,9%/1 tháng ($2,6\% \times 150\%$), lãi 1 ngày là $35.457.913 \text{ đồng} \times 3,9\% / 30 = 46.095 \text{ đồng}$. Từ ngày 22 tháng 4 năm 2022 đến ngày 19 tháng 9 năm

2022 = 6.914.250 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi anh Th còn nợ Ngân hàng là 42.372.163 đồng

Nay Ngân hàng đề nghị Toà giải quyết: Buộc anh Th trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19 tháng 9 năm 2022 là 42.372.163 đồng trong đó nợ gốc là 35.457.913 đồng, lãi quá hạn là 6.914.250 đồng. Anh Th có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Anh Lưu Mạnh Th đã được Tòa án triệu tập để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa, nhưng anh Th đều vắng mặt không lý do. Vì vậy anh Th không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh Th phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo Hợp đồng tính đến ngày 19 tháng 9 năm 2022 là 42.372.163 đồng trong đó nợ gốc là 35.457.913 đồng, lãi quá hạn là 6.914.250 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Lưu Mạnh Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu anh Lưu Mạnh Th trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, anh Lưu Mạnh Th cư trú tại thôn Th, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Căn cứ quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Thỏa thuận của Ngân hàng và anh Th trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng) ngày 22 tháng 4 năm 2020 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên xác định Hợp đồng là hợp pháp.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh Th đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 28.700.000 đồng. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng vào ngày 22 hàng tháng, anh Th phải thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng đến ngày 22 tháng 10 năm 2021 anh Th mới thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 15.210.000 đồng. Từ ngày 22 tháng 10 năm 2021 đến nay anh Th không trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi theo thỏa thuận. Như vậy anh Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, cần buộc anh Th phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 35.457.913 đồng.

Do anh Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của Ngân hàng, sau 3 kỳ thông báo giao dịch liên tiếp, anh Th không thực hiện việc trả nợ nên Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy từ ngày 22 tháng 4 năm 2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ anh Th sang còn thiếu sang nợ quá hạn. Theo Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về mức lãi và lãi quá hạn bằng 150% mức lãi trong hạn (nợ gốc là 35.457.913 đồng x $3,9\%/30=46.095$ đồng/ngày). Xét thấy, đây là hợp đồng vay giữa tổ chức tín dụng với cá nhân nên lãi suất được áp dụng theo Hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký kết theo hướng dẫn tại các Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Việc anh Th không trả nợ theo đúng cam kết nên Ngân hàng khởi kiện buộc anh Th phải thanh toán số tiền lãi quá hạn phải trả tính từ thời điểm Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 6.914.250 đồng (từ ngày 22 tháng 4 năm 2022 đến ngày 19 tháng 9 năm 2022) và buộc anh Th phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên cho đến ngày anh Th thực tế thanh toán hết nợ tại Ngân hàng là có căn cứ, cần chấp nhận. Tính đến ngày 19 tháng 9

năm 2022, anh Th còn nợ Ngân hàng số tiền là 42.372.163 đồng trong đó nợ gốc là 35.457.913 đồng, lãi quá hạn là 6.914.250 đồng.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.118.608 đồng (42.372.163 đồng x 5%). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S và anh Lưu Mạnh Th có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc anh Lưu Mạnh Th phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 22 tháng 4 năm 2020, tính đến ngày 19 tháng 9 năm 2022 số tiền 42.372.163, làm tròn là 42.372.000 đồng (bốn mươi hai triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 35.457.913 đồng, lãi quá hạn là 6.914.250 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Lưu Mạnh Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[2]. Về án phí: Anh Lưu Mạnh Th phải nộp 2.118.608 đồng, làm tròn thành 2.118.700 đồng (*Hai triệu một trăm mười tám nghìn bảy trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 948.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001247 ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lưu Mạnh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Vũ Thư;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền